

Số: 411/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84  
của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,  
quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số:  
401/2026/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận  
thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố  
tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Ông **Nguyễn Phú L**, sinh năm 1993; CCCD số 048093006061 do Cục cảnh  
sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021; địa chỉ: **Số A P,**  
**phường S, thành phố Đà Nẵng.**

- Bà **Tường Thị Bích N**, sinh ngày 02/09/1983. CCCD số 064183011781 do  
Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/02/2022; địa chỉ:  
**Tổ C, phường S, thành phố Đà Nẵng.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình đề ngày 26/6/2026  
và tại phiên hòa giải ngày 28/7/2026 của người yêu cầu ông **Nguyễn Phú L** và bà  
**Tường Thị Bích N** yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận  
như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Phú L** và bà **Tường Thị Bích N** tự  
nguyện kết hôn vào ngày 28/03/2019, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân**  
**phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường S, thành phố Đà Nẵng).**  
Do đó hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.  
Các bên thừa nhận quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng,  
tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn

nhân không đạt được nên không đồng ý đoàn tụ và thống nhất ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Phú L và bà Tường Thị Bích N có 01 con chung là Nguyễn Diên T sinh ngày 19/3/2020. Ly hôn, ông L và bà N thỏa thuận thống nhất bà N là trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Diên T cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8 năm 2026.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung của ông L và bà N là sự thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông L và bà N.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Phú L và bà Tường Thị Bích N xác định không có.

[4] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), ông Nguyễn Phú L và bà Tường Thị Bích N tự nguyện chịu.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Phú L và bà Tường Thị Bích N.

- Về con chung: Ông Nguyễn Phú L và bà Tường Thị Bích N thỏa thuận thống nhất bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Diên T, sinh ngày 19/3/2020 cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8 năm 2026.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

lãi suất quy định tại khoản Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Phú L và bà Tường Thị Bích N xác định không có.

2. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), ông Nguyễn Phú L và bà Tường Thị Bích N tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000603 ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:** **THẨM PHÁN**

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Phòng THA dân sự khu vực 2 - Đà Nẵng;
- UBND phường Sơn Trà, Đà Nẵng;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu án văn.

**Nguyễn Thị Thúy Vân**